CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 17/2017/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2017*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 1. Vị trí và chức năng

Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về báo chí; xuất bản, in, phát hành; bưu chính; viễn thông; tần số vô tuyến điện; công nghệ thông tin, điện tử; phát thanh và truyền hình, thông tin điện tử, thông tấn, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở và quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ và những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Chính phủ dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị định của Chính phủ theo chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật hàng năm của Chính phủ và các dự án, đề án theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, hàng năm; chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hành động và các dự án, công trình quan trọng quốc gia, chương trình, đề án về cung cấp dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực; các quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

3. Ban hành các thông tư, quyết định, chỉ thị và các văn bản khác về quản lý ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ.

5. Về báo chí (bao gồm báo in, báo điện tử, phát thanh, truyền hình, bản tin thông tấn):

a) Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển và quản lý báo chí trong cả nước, văn phòng đại diện cơ quan thường trú ở nước ngoài của các cơ quan báo chí Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Tổ chức thông tin cho báo chí và quản lý thông tin của báo chí; thực hiện việc đo kiểm và công bố số liệu liên quan đến hoạt động báo chí theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn kỹ thuật về biện pháp, quy trình bảo quản thông tin và hệ thống quản lý thông tin trong thực hiện quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin;

d) Ban hành quy chế tổ chức hội thi, hội thảo, liên hoan báo chí;

đ) Kiểm tra báo chí lưu chiểu; quản lý hệ thống lưu chiểu báo chí in quốc gia; thực hiện lưu chiểu điện tử báo nói, báo hình, báo điện tử theo quy định của pháp luật; kiểm tra việc tổ chức thực hiện phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của pháp luật;

e) Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi các loại giấy phép trong lĩnh vực báo chí, phát thanh, truyền hình; cấp, thu hồi thẻ nhà báo; chấp thuận việc họp báo theo quy định của pháp luật về báo chí;

g) Hướng dẫn việc hoạt động của báo chí và nhà báo trong cả nước, phối hợp với các cơ quan có liên quan quản lý hoạt động của báo chí Việt Nam liên quan đến nước ngoài và hoạt động báo chí của người nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam;

h) Có ý kiến về việc bổ nhiệm người đứng đầu các cơ quan báo chí theo quy định của pháp luật về báo chí;

i) Quản lý nội dung, chất lượng và giá dịch vụ phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật.

6. Về xuất bản (bao gồm xuất bản, in, phát hành):

a) Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy hoạch mạng lưới xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi các loại giấy phép trong lĩnh vực xuất bản, in, phát hành theo quy định của pháp luật;

c) Xác nhận và quản lý đăng ký xuất bản của nhà xuất bản, đăng ký hoạt động cơ sở in, đăng ký hoạt động in đối với sản phẩm không phải cấp phép, đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm, đăng ký hoạt động xuất bản điện tử, phát hành xuất bản phẩm điện tử theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức thẩm định xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật; tổ chức kiểm tra xuất bản phẩm lưu chiểu và quản lý việc lưu chiểu xuất bản phẩm; tổ chức việc đặt hàng và đưa xuất bản phẩm tới vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo; tổ chức hội chợ xuất bản phẩm cấp quốc gia và quản lý việc phát hành xuất bản phẩm ra nước ngoài theo quy định của pháp luật;

đ) Quyết định đình chỉ, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành và tiêu hủy xuất bản phẩm vi phạm pháp luật;

e) Cấp, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập theo quy định của pháp luật;

g) Quản lý các hoạt động hỗ trợ xuất bản theo quy định của pháp luật;

h) Có ý kiến về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản.

7. Về thông tin đối ngoại:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án thông tin đối ngoại;

b) Hướng dẫn nội dung và việc cung cấp thông tin đối ngoại cho các cơ quan thông tấn, báo chí của Việt Nam;

c) Chủ trì, phối hợp kiểm tra, đánh giá hiệu quả công tác thông tin đối ngoại của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan báo chí, xuất bản trong và ngoài nước;

d) Xây dựng cơ chế trao đổi, phối hợp, cung cấp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan nhà nước với các cơ quan báo chí;

đ) Theo dõi, tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc tổ chức cung cấp thông tin giải thích, làm rõ các thông tin sai lệch về Việt Nam trên các lĩnh vực.

8. Về quảng cáo:

a) Thực hiện các nhiệm vụ về quản lý quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật;

b) Cấp, gia hạn, sửa đổi bổ sung, thu hồi giấy phép ra kênh, chương trình quảng cáo đối với báo nói, báo hình; thông báo ra phụ trương chuyên quảng cáo đối với báo in.

9. Về thông tin điện tử:

a) Quản lý về dịch vụ trò chơi điện tử và dịch vụ nội dung thông tin, ứng dụng cung cấp thông tin trên mạng viễn thông, mạng Internet theo quy định của pháp luật;

b) Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, tạm đình chỉ, đình chỉ và thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận về trò chơi điện tử trên mạng và thông tin điện tử trên mạng theo quy định của pháp luật.

10. Về thông tin cơ sở và hệ thống đài truyền thanh - truyền hình cấp huyện:

a) Hướng dẫn, chỉ đạo và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về hoạt động thông tin cơ sở;

b) Xây dựng các nội dung thông tin tuyên truyền thuộc chức năng, nhiệm vụ của bộ và hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện;

c) Hướng dẫn việc xây dựng và hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở: Đài truyền thanh cấp xã; bản tin thông tin cơ sở; tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở; thông tin trực tiếp qua báo cáo viên, tuyên truyền viên thông tin cơ sở; bảng tin công cộng và các hình thức hoạt động thông tin cơ sở khác và hệ thống đài truyền thanh - truyền hình cấp huyện;

d) Tổ chức cung cấp thông tin, quản lý nội dung thông tin của hệ thống thông tin cơ sở và hệ thống đài truyền thanh - truyền hình cấp huyện trên phạm vi cả nước.

11. Về bưu chính:

a) Hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra thực hiện cơ chế, chính sách, kế hoạch, dự án, đề án, chương trình về bưu chính; tổ chức kiểm tra danh mục, cơ chế hỗ trợ và hoạt động cung ứng dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của pháp luật;

b) Quy định về giá cước và chất lượng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ bưu chính dành riêng, dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí, dịch vụ bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước và các dịch vụ bưu chính khác theo quy định của pháp luật;

c) Quản lý tem bưu chính, an toàn trong hoạt động bưu chính theo thẩm quyền;

d) Quản lý bộ mã bưu chính quốc gia, bộ mã số tem bưu chính Việt Nam;

đ) Cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép bưu chính; cấp, sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính;

e) Quy định theo thẩm quyền và hướng dẫn hoạt động của mạng bưu chính công cộng và mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước;

g) Phối hợp quản lý về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực bưu chính, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người sử dụng dịch vụ bưu chính theo quy định của pháp luật.

12. Về viễn thông:

a) Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình, cơ chế, chính sách phát triển viễn thông và Internet; quản lý thị trường viễn thông; ban hành danh mục, quy định phạm vi, đối tượng, giá cước dịch vụ viễn thông công ích và cơ chế, mức hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện đầu tư hạ tầng viễn thông, cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; tổ chức, quản lý thực hiện nhiệm vụ viễn thông công ích do Nhà nước giao;

b) Chủ trì, phối hợp hướng dẫn và quản lý về cạnh tranh và giải quyết kiến nghị trong lĩnh vực viễn thông, ứng dụng viễn thông và Internet; bảo vệ quyền lợi người sử dụng dịch vụ viễn thông, ứng dụng viễn thông và Internet theo quy định của pháp luật;

c) Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, tạm đình chỉ, đình chỉ và thu hồi các loại giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật;

d) Ban hành và tổ chức thực hiện quy hoạch và các quy định về quản lý và sử dụng kho số viễn thông và tên miền, địa chỉ Internet; phân bổ, thu hồi kho số viễn thông và tên miền, địa chỉ Internet; xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet, quy định chi tiết về đấu giá kho số viễn thông, tài nguyên Internet và danh mục kho số viễn thông, tài nguyên Internet được đấu giá;

đ) Ban hành cơ chế, chính sách, quy định và tổ chức thực hiện quản lý giá cước và khuyến mại trong lĩnh vực viễn thông và Internet theo quy định của pháp luật; kiểm soát, đình chỉ áp dụng giá cước viễn thông khi doanh nghiệp viễn thông áp đặt, phá giá giá cước viễn thông gây mất ổn định thị trường viễn thông, làm thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp viễn thông khác và Nhà nước. Chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo, kế toán, kiểm toán phục vụ hoạt động quản lý giá cước viễn thông và Internet;

e) Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về quản lý kết nối các mạng viễn thông;

g) Quy định theo thẩm quyền và hướng dẫn hoạt động của mạng viễn thông dùng riêng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;

h) Hướng dẫn việc xây dựng, triển khai quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc chia sẻ và sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông;

i) Hướng dẫn, chỉ đạo công tác bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng, an ninh thông tin trong hoạt động viễn thông theo quy định của pháp luật;

k) Quản lý chất lượng viễn thông và Internet; xây dựng, quản lý, vận hành phòng thử nghiệm, hiệu chuẩn chuyên ngành viễn thông và Internet;

l) Thiết lập, quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thu thập và quản lý số liệu viễn thông và hệ thống chuyển mạng di động giữ nguyên số thuê bao;

m) Thiết lập, quản lý, vận hành, khai thác đảm bảo an toàn hệ thống máy chủ tên miền quốc gia, trạm trung chuyển Internet quốc gia.

13. Về tần số vô tuyến điện:

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện quy hoạch truyền dẫn, phát sóng; quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phân chia băng tần phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

c) Ban hành quy hoạch băng tần, quy hoạch phân kênh tần số, quy hoạch sử dụng kênh tần số, quy định về điều kiện phân bổ, ấn định và sử dụng tần số vô tuyến điện, băng tần số vô tuyến điện;

d) Quản lý chất lượng phát xạ vô tuyến điện, tương thích điện từ và an toàn bức xạ vô tuyến điện theo quy định của pháp luật;

đ) Quy định về điều kiện kỹ thuật, điều kiện khai thác các loại thiết bị vô tuyến điện được miễn giấy phép, quy định điều kiện kỹ thuật (tần số, công suất phát) cho các thiết bị vô tuyến điện trước khi sản xuất hoặc nhập khẩu để sử dụng tại Việt Nam;

e) Quy định về đào tạo vô tuyến điện viên; chứng chỉ vô tuyến điện viên; đối tượng, điều kiện, thủ tục cấp, gia hạn, cấp lại chứng chỉ vô tuyến điện viên; công nhận chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải cho thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu mang cờ Việt Nam;

g) Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, tạm đình chỉ, đình chỉ và thu hồi các loại giấy phép tần số vô tuyến điện;

h) Kiểm tra, kiểm soát tần số và thiết bị vô tuyến điện, xử lý nhiễu có hại;

i) Đăng ký tần số quốc tế, phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện và quỹ đạo vệ tinh;

k) Trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện quy định về đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.

14. Về công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử:

a) Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, chương trình, đề án, dự án phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử;

b) Trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền chính sách ưu đãi, ưu tiên đầu tư phát triển công nghiệp công nghệ thông tin; công bố danh mục và xây dựng chương trình phát triển các sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm;

c) Thẩm định các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, các nội dung xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin, các dự án phát triển sản phẩm công nghệ thông tin dùng nguồn vốn khoa học và công nghệ của các bộ, ngành, địa phương;

d) Ban hành hoặc trình cấp thẩm quyền ban hành tiêu chí đánh giá, chứng nhận về chức năng, tính năng kỹ thuật của sản phẩm công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử; cơ chế chính sách quản lý và phát triển khu công nghệ thông tin tập trung;

đ) Cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử, nhân lực công nghệ thông tin; ban hành, công nhận các chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin;

e) Tổ chức các hoạt động hỗ trợ xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại về công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử;

g) Thực hiện quản lý chất lượng đối với sản phẩm, dịch vụ thuộc lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử.

15. Về ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng Chính phủ điện tử:

a) Hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, cơ chế, chính sách, các quy định về ứng dụng công nghệ thông tin; quy chế quản lý đầu tư, đánh giá hiệu quả đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn nhà nước; hỗ trợ doanh nghiệp và cộng đồng ứng dụng công nghệ thông tin;

b) Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về Chính phủ điện tử; xây dựng, duy trì, cập nhật, tổ chức thực hiện Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; hướng dẫn xây dựng, thẩm định đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, dự án, đề án xây dựng Chính phủ điện tử theo thẩm quyền, kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ, kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh; hướng dẫn xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ thông tin các cấp;

c) Xây dựng hệ thống thông tin đầu mối kết nối, hỗ trợ truy nhập thuận tiện các cơ sở dữ liệu quốc gia; hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến cơ sở dữ liệu quốc gia;

d) Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương; công bố theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ công bố danh mục thông tin, dữ liệu chia sẻ, dùng chung;

đ) Quản lý chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước; chủ trì triển khai nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc Chương trình tổng thể, kế hoạch cải cách hành chính nhà nước;

e) Quản lý chất lượng các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin; xây dựng, quản lý vận hành phòng thử nghiệm hệ thống thông tin;

g) Tổ chức xây dựng, quản lý và vận hành hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin, hạ tầng khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và các hệ thống thông tin, dữ liệu dùng chung do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao;

h) Hướng dẫn các địa phương triển khai ứng dụng công nghệ thông tin để phát triển, cung cấp các dịch vụ thành phố thông minh.

16. Về an toàn thông tin:

a) Quản lý về an toàn thông tin; bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin, các hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; phòng, chống thư rác; bảo đảm an toàn thông tin cá nhân trên mạng; tổ chức thực hiện chức năng

quản lý, điều phối các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên toàn quốc; chủ trì điều phối ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia, theo quy định của pháp luật;

b) Quản lý các hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm và dịch vụ an toàn thông tin; tổ chức kiểm định, đánh giá, cấp chứng nhận về an toàn thông tin; cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng trừ sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự;

c) Xây dựng và tổ chức vận hành các hệ thống đảm bảo an toàn thông tin; thẩm định về an toàn thông tin mạng trong hồ sơ thiết kế hệ thống thông tin, cấp độ an toàn hệ thống thông tin; quản lý công tác giám sát an toàn thông tin theo quy định của pháp luật;

d) Quy định về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số theo thẩm quyền; chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ trong việc quản lý các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số; tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia theo quy định của pháp luật; phối hợp với Bộ Công an bảo đảm an ninh, an toàn các công trình trọng điểm liên quan đến an ninh quốc gia trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin.

17. Xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác mạng bưu chính, viễn thông dùng riêng, các hệ thống thông tin dùng riêng phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

18. Phối hợp tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm báo chí, chương trình phát thanh, truyền hình đã mã hóa, xuất bản phẩm, tem bưu chính, sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông; đối với các phát minh, sáng chế thuộc các ngành, lĩnh vực quản lý của bộ.

19. Tổ chức các giải thưởng và thực hiện công tác thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

20. Quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các hoạt động thông tin và truyền thông vi phạm pháp luật.

21. Ban hành và tổ chức thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, đề nghị công bố tiêu chuẩn quốc gia trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ; tham gia thỏa thuận công nhận lẫn nhau về đánh giá sự phù hợp với các nước; quy định về quản lý hoạt động đánh giá sự phù hợp trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ.

22. Quản lý xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa thuộc các lĩnh vực quản lý của bộ theo quy định của pháp luật.

23. Quyết định các biện pháp huy động các mạng và dịch vụ, các phương tiện, thiết bị thông tin và truyền thông phục vụ các trường hợp khẩn cấp về an ninh quốc gia, thiên tai, địch họa theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

24. Quản lý và triển khai các chương trình, đề án, dự án đầu tư trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ theo quy định của pháp luật; xây dựng và ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí và các định mức chuyên ngành khác thuộc phạm vi quản lý của bộ; tổ chức thực hiện việc thu thập, khai thác thông tin phục vụ quản lý nhà nước và quản lý công tác thống kê chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

25. Xây dựng dự toán ngân sách hàng năm của bộ, phối hợp với Bộ Tài chính lập, tổng hợp dự toán chi sự nghiệp thông tin (báo chí, xuất bản, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở) của các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để Chính phủ trình Quốc hội; quản lý tài sản được giao; quản lý, tổ chức thực hiện và quyết toán ngân sách nhà nước, các nguồn vốn, quỹ theo quy định của pháp luật.

26. Thực hiện hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ theo quy định của pháp luật.

27. Tổ chức xây dựng, thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, phát triển các sản phẩm công nghệ cao, đổi mới công nghệ và bảo vệ môi trường trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ.

28. Về dịch vụ sự nghiệp công:

a) Quản lý nhà nước các dịch vụ sự nghiệp công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật;

b) Xây dựng, ban hành các tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực quản lý làm cơ sở ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn các tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của pháp luật.

29. Về doanh nghiệp:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan trình Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông; phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện;

b) Phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án tổng thể tái cơ cấu, đề án sắp xếp đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông và chỉ đạo tổ chức thực hiện theo phân công, phân cấp;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định đối với ngành, nghề kinh doanh, dịch vụ có điều kiện và xử lý vi phạm thuộc thẩm quyền;

d) Thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

30. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đối với hội, các tổ chức phi Chính phủ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật.

31. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật theo chức năng quản lý nhà nước của bộ.

32. Quyết định và chỉ đạo thực hiện kế hoạch cải cách hành chính của bộ theo mục tiêu và nội dung chương trình, kế hoạch cải cách hành chính nhà nước của Chính phủ và sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; đề xuất hoặc quyết định theo thẩm quyền việc thực hiện phân cấp quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

33. Đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực thuộc các lĩnh vực quản lý của bộ; thực hiện dự báo nhu cầu và quy hoạch phát triển nhân lực thông tin và truyền thông.

34. Quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của bộ theo quy định của pháp luật.

35. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của bộ

1. Vụ Bưu chính.

2. Vụ Công nghệ thông tin.

3. Vụ Khoa học và Công nghệ.

4. Vụ Kế hoạch - Tài chính.

5. Vụ Quản lý doanh nghiệp.

6. Vụ Hợp tác quốc tế.

7. Vụ Pháp chế.

8. Vụ Thi đua - Khen thưởng.

9. Vụ Tổ chức cán bộ.

10. Thanh tra Bộ.

11. Văn phòng Bộ.

12. Cục Báo chí.

13. Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử.

14. Cục Xuất bản, In và Phát hành.

15. Cục Thông tin cơ sở.

16. Cục Thông tin đối ngoại.

17. Cục Viễn thông.

18. Cục Tần số vô tuyến điện.

19. Cục Tin học hóa.

20. Cục An toàn thông tin.

21. Cục Bưu điện Trung ương.

22. Viện Chiến lược Thông tin và Truyền thông.

23. Trung tâm Thông tin.

24. Báo Bưu điện Việt Nam.

25. Báo điện tử Vietnamnet.

26. Tạp chí Thông tin và Truyền thông.

27. Học viện Công nghệ bưu chính, viễn thông.

28. Trường Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ quản lý Thông tin và Truyền thông.

Các đơn vị quy định từ khoản 1 đến khoản 21 Điều này là các tổ chức giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các đơn vị quy định từ khoản 22 đến khoản 28 Điều này là các tổ chức sự nghiệp thuộc bộ. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị trực thuộc theo quy định của pháp luật.

Vụ Kế hoạch - Tài chính được tổ chức 04 phòng; Vụ Pháp chế được tổ chức 01 phòng; Thanh tra Bộ được tổ chức 06 phòng; Văn phòng Bộ được tổ chức 05 phòng; Cục Báo chí được tổ chức 05 phòng; Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử được tổ chức 06 phòng; Cục Xuất bản, In và Phát hành được tổ chức 06 phòng; Cục Thông tin cơ sở được tổ chức 05 phòng; Cục Thông tin đối ngoại được tổ chức 05 phòng; Cục Viễn thông được tổ chức 10 phòng; Cục Tần số vô tuyến điện được tổ chức 09 phòng; Cục Tin học hóa được tổ chức 08 phòng; Cục An toàn thông tin được tổ chức 05 phòng; Cục Bưu điện Trung ương được tổ chức 07 phòng.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc